TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-4-2022
Về: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy
2. Ông Nguyễn Bá Lộc

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Nga, thư ký Tòa án nhân dân Hện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà: Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân Hện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 26/QĐST-HPT ngày 12-4-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Mỹ P, sinh năm 1990; địa chỉ: Tt H, Hện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt.

Bị đơn: Ông Tôn Văn S, sinh năm 1993; địa chỉ: Tt H, Hện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 02 năm 2022 và quá trình tố tụng tại tòa bà Phan Thị Mỹ P trình bày: Bà Phan Thị Mỹ P và ông Tôn Văn S tự nguyện sống chung với nhau năm 2018, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND tt H, Hện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng không hợp nhau thường xảy ra mâu thuẫn, xung đột, bất đồng quan điểm cũng như không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 12 năm 2021 đến nay vợ chồng không còn sống chung một nhà.

Tại phiên tòa, bà P nhận thấy tình cảm đối với ông S không còn bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 02 con Tôn H, sinh ngày 30-4-2019 và Tôn C, sinh ngày 18-10-2021. Bà P yêu cầu được nuôi con Tôn C và tự nguyện giao con Tôn H cho ông S nuôi, hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu tòa án giải quyết.

Từ khi Toà án thụ lý vụ án, đã nhiều lần triệu tập ông Tôn Văn S đến Toà giải quyết ly hôn nhưng ông S vắng mặt không có lý do nên không xác định rõ yêu cầu.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Mỹ P yêu cầu ly hôn ông Tôn Văn S, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông S sinh sống tại tt H, Hện Đ vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp Hện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Tôn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Mỹ P và ông Tôn Văn S sống chung từ năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND tt H, Hện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên hôn nhân giữa bà P và ông S là hôn nhân hợp pháp. Theo bà P xác nhận: Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung dẫn đến việc vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay. Nay bà P nhận thấy không còn tình cảm đối với ông S yêu cầu được ly hôn.

Về phía ông S, Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa lấy lời khai và hòa giải ông S có ký nhận Thông báo thụ lý vụ án số 54 ngày 21-02-2022 do Tòa án ban hành nhưng không có ý kiến phản hồi, chứng tỏ ông S không muốn duy trì cuộc sống chung với bà P. Theo xác nhận của địa phương, sau kết hôn ông S sinh sống cùng gia đình vợ đến khoảng cuối năm 2021 thì ra thuê nhà sống riêng cũng được vài tháng trả nhà và hiện tại không còn sinh sống tại địa phương. Về mâu thuẫn của vợ chồng địa phương không rõ. Theo xác nhận của bà P vợ chồng tự sống ly thân từ khoảng tháng 12/2021. Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì "vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau…" Xét thấy, hôn nhân của 2 người lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà P yêu cầu ly hôn có cơ, chấp nhận.

[2.2] Xét về con chung: Theo xác nhận của bà P, sau khi vợ chồng sống ly thân ông S nuôi con chung Tôn H, sinh ngày 30-4-2019; bà P nuôi con chung Tôn C, sinh ngày 18-10-2021. Cháu H đến ngày tòa xét xử được 2 tuổi 27 ngày, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 12-4-2022 thì bà P tự nguyện giao cháu H cho ông S nuôi. Tránh làm xáo trộn của sống của trẻ thơ, vợ chồng thuận lợi cho việc chăm sóc cả 02 con còn nhỏ nên giao cháu Tôn H cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con Tôn C cho bà P cho tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Sau này bà P, ông S có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Mỹ P đối với ông Tôn Văn S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Mỹ P được ly hôn ông Tôn Văn S.

- Về con chung: Giao con chung Tôn H, sinh ngày 30-4-2019 cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung Tôn C, sinh ngày 18-10-2021 cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà P, ông S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị Mỹ P nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008730 ngày 09-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự Hện Long Điền. Bà P đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND h.Long Điền;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

- Thi hành án dân sự h.Long Điền;
- UBND tt H, Hện Đ
tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Thị Thanh Trúc